

THÔNG BÁO

**Về kết quả dự kiến xét, cấp học bổng khuyến khích học nghề
Học kỳ I, năm học 2021 - 2022**

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-CDYT ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang về ban hành Quy định học bổng khuyến khích học nghề;

Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang thông báo về kết quả dự kiến xét, cấp học bổng khuyến khích học nghề học kỳ I, năm học 2021 - 2022, cụ thể như sau:

1. Danh sách dự kiến được cấp học bổng khuyến khích học nghề học kỳ I, năm học 2021 – 2022, (có danh sách kèm theo).
2. Thời gian tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của học sinh, sinh viên: **từ ngày 14/11/2022 đến hết ngày 20/11/2022.**
3. Danh sách dự kiến trên có thể thay đổi khi có kết quả khiếu nại chính xác của học sinh, sinh viên.
4. Mọi khiếu nại hoặc thắc mắc, học sinh, sinh viên liên hệ trực tiếp phòng Công tác Học sinh – Sinh viên (Cô Lê Thị Minh Nghĩa, Phó Trưởng phòng) trong giờ hành chính để được giải đáp.

Trên đây là Thông báo của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang về kết quả dự kiến xét, cấp học bổng khuyến khích học nghề học kỳ I, năm học 2021 - 2022.

Đề nghị cố vấn học tập các lớp triển khai đến học sinh, sinh viên lớp mình phụ trách để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Website Trường;
- CVHT;
- HSSV;
- Lưu: VT, CTHSSV (Tr)



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thanh Hải

**BẢNG TỔNG HỢP
XÉT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC NGHỀ
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2021 - 2022**

TT	LỚP	SL	Quỹ học bổng	SL ĐN HB	XÉT HỌC BỔNG									Tiền học bổng	Thừa/Thiếu Quỹ	Ghi chú
					Loại Xuất sắc			Loại Giỏi			Loại Khá					
					Số lượng	Điểm TBCHT	Mức HB/HK	Số lượng	Điểm TBCHT	Mức HB/HK	Số lượng	Điểm TBCHT	Mức HB/HK			
1	CAO ĐẲNG	606	276,336,000	165	1			38			7			273,600,000	2,736,000	
1.1.	Điều dưỡng cao đẳng 12	68	31,008,000	21	0	>=3.60	6,270,000	5	>=3.20	5,985,000	0		5,700,000	29,925,000	1,083,000	
1.2	Điều dưỡng cao đẳng 13	79	36,024,000	8	0	>=3.60	6,270,000	3	>=3.20	5,985,000	4	>=3.00	5,700,000	40,755,000	-4,731,000	
1.3	Điều dưỡng cao đẳng 14	86	39,216,000	20	0	>=3.60	6,270,000	6	>=3.20	5,985,000			5,700,000	35,910,000	3,306,000	
1.4	Dược sĩ cao đẳng 6	120	54,720,000	48	1	>=3.60	6,270,000	8	>=3.25	5,985,000			5,700,000	54,150,000	570,000	HB Khá: HT>= 3.25, RL>=84
1.6	Dược sĩ cao đẳng 7	125	57,000,000	19	0	>=3.60	6,270,000	6	>=3.20	5,985,000	3	>=3.20	5,700,000	53,010,000	3,990,000	
1.7	Dược sĩ cao đẳng 8	128	58,368,000	49	0	>=3.60	6,270,000	10	>=3.50	5,985,000			5,700,000	59,850,000	-1,482,000	
2	TRUNG CẤP	60	24,000,000	12	0			1			3			20,250,000	3,750,000	
2.1.	Y sĩ 11	33	13,200,000	4	0	>=3.60	5,500,000	1	>=3.20	5,250,000	1	>=3.15	5,000,000	10,250,000	2,950,000	
2.2.	Y sĩ 12	27	10,800,000	8	0	>=3.60	5,500,000	0	>=3.20	5,250,000	2	>=3.13	5,000,000	10,000,000	800,000	HB Khá: HT>= 3.13, RL=77
TỔNG CỘNG		666	300,336,000	177	1			39			10			293,850,000	6,486,000	

Tiền Giang, ngày 14 tháng 11 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Thanh Hải

DANH SÁCH
DỰ KIẾN CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC NGHỀ
HỌC KÌ I NĂM HỌC 2021 - 2022

TT	Lớp	MSSV	Họ tên		Điểm TBCHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại học bổng	Ghi chú
1	DDCD 12A1	11.01.19.016	Trần Hoài	Phong	3.56	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	
2	DDCD 12A1	11.01.19.013	Lê Thu	Nữ	3.44	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	
3	DDCD 12A2	11.01.19.035	Bùi Ngọc	Châu	3.25	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
4	DDCD 12A2	11.01.19.047	Đặng Thị Ngọc	Nguyên	3.25	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
5	DDCD 12A2	11.01.19.048	Lê Thị Kiều	Nhi	3.25	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	
6	DDCD 13A1	11.01.20.001	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	3.73	Xuất sắc	82	Tốt	Giỏi	
7	DDCD 13A1	11.01.20.016	Lê Trần Hương	Ly	3	Khá	82	Tốt	Khá	
8	DDCD 13A1	11.01.20.019	Lưu Thị Kim	Ngân	3	Khá	70	Khá	Khá	
9	DDCD 13A1	11.01.20.020	Nguyễn Yên	Nhi	3.2	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	
10	DDCD 13A2	11.01.20.040	Nguyễn Thị Trúc	Lâm	3	Khá	70	Khá	Khá	
11	DDCD 13A3	11.01.20.060	Hồ Thị Mỹ	An	3.47	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	
12	DDCD 13A3	11.01.20.063	Trịnh Thị Ngọc	Duyên	3.27	Giỏi	72	Khá	Khá	
13	DDCD 14.A2	11.01.21.040	Lê Thị Thủy	Ngân	3.33	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	
14	DDCD 14.A2	11.01.21.034	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	3.2	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
15	DDCD 14.A3	11.01.21.063	Trần Thị Thúy	An	3.53	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	
16	DDCD 14.A3	11.01.21.065	Ngô Thanh	Duy	3.33	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	
17	DDCD 14.A3	11.01.21.072	Huỳnh Thị Nhật	Lan	3.2	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
18	DDCD 14.A3	11.01.21.091	Phạm Thị Kim	Trong	3.2	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	

TT	Lớp	MSSV	Họ tên		Điểm TBCHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại học bổng	Ghi chú
19	DSCD 6A1	11.03.19.007	Lê Hoàng Quỳnh	Giao	3.5	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	
20	DSCD 6A3	11.03.19.075	Huỳnh Thị Thúy	Liều	3.88	Xuất sắc	81	Tốt	Giỏi	
21	DSCD 6A3	11.03.19.098	Phan Thị Mỹ	Yến	3.31	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	
22	DSCD 6A4	11.03.19.122	Đặng Ngọc	Truyền	3.88	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	
23	DSCD 6A4	11.03.19.128	Lê Khánh	Vy	3.88	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	
24	DSCD 6A4	11.03.19.141	Đinh Thị Thanh	Ngân	3.38	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
25	DSCD 6A4	11.03.19.131	Võ Thị Thanh	Nhàn	3.25	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
26	DSCD 6A4	11.03.19.115	Phạm Thị Hồng	Thắm	3.25	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
27	DSCD 6A5	11.03.19.139	Trần Thị Ngọc	Lượng	3.88	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	
28	DSCD 7A1	11.03.20.006	Dư Mỹ	Duyên	3.62	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	
29	DSCD 7A1	11.03.20.032	Lương Thị Thanh	Tuyền	3.62	Xuất sắc	78	Khá	Khá	
30	DSCD 7A1	11.03.20.017	Lê Thị Diễm	My	3.43	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
31	DSCD 7A1	11.03.20.014	Nguyễn Thị Hồng	Kiểm	3.24	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	
32	DSCD 7A2	11.03.20.125	Nguyễn Thị Kim	Ngân	3.43	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	
33	DSCD 7A3	11.03.20.133	Bùi Huỳnh	Như	3.62	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	
34	DSCD 7A4	11.03.20.117	Nguyễn Kim	Tùng	3.62	Xuất sắc	75	Khá	Khá	
35	DSCD 7A4	11.03.20.126	Nguyễn Huỳnh Thúy	Nga	3.24	Giỏi	71	Khá	Khá	
36	DSCD 7A5	11.03.20.140	Lưu Trần Hồng	Vân	3.24	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	
37	DSCD 8.A1	11.03.21.025	Đặng Thị Thùy	Trang	3.88	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	
38	DSCD 8.A1	11.03.21.028	Lê Thị Ngọc	Tuyền	3.71	Xuất sắc	86	Tốt	Giỏi	
39	DSCD 8.A1	11.03.21.027	Mai Lê Diễm	Trinh	3.59	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
40	DSCD 8.A2	11.03.21.045	Lê Thị Thảo	Nguyên	4	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	
41	DSCD 8.A2	11.03.21.036	Nguyễn Lê Cẩm	Hương	3.65	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	
42	DSCD 8.A2	11.03.21.033	Đỗ Thị Kim	Chi	3.53	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
43	DSCD 8.A3	11.03.21.087	Trần Đặng Kim	Yến	3.65	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	

TT	Lớp	MSSV	Họ tên		Điểm TBCHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại học bổng	Ghi chú
44	DSCD 8.A4	11.03.21.109	Trần Nhựt	Quang	4.00	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	
45	DSCD 8.A4	11.03.21.115	Trần Quang Thanh	Tú	3.65	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	
46	DSCD 8.A4	11.03.21.102	Lê Hoàng Minh	Mẫn	3.53	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	
47	YS 11A1	21.06.20.006	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	3.19	Khá	72	Khá	Khá	
48	YS 11A1	21.06.20.016	Phạm Thị Như	Ngọc	3.31	Giỏi	89	Tốt	Giỏi	
49	YS 12.A1	21.06.21.015	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	3.13	Khá	77	Khá	Khá	
50	YS 12.A1	21.06.21.019	Phan Lê Tường	Vy	3.47	Giỏi	79	Khá	Khá	

Danh sách này có 50 học sinh, sinh viên./.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 11 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Thanh Hải